TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 849/2019/HCPT
Ngày: 21/11/2019
V/v:"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Ức Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh***: Bà Nguyễn Thị Ngát -Kiếm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 371/2019/TLPT - HC ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1815/2018/HC – ST ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1471/2019/QĐPT ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Bà Thạch Thị Nh, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chi Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch úy ban nhân dân huyện C và Ủy1ban nhân dân huyện C:

Ông Nguyễn Việt D - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C: *Ông Nguyễn Văn V - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C*

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C

Địa chỉ: 342 Tỉnh lộ 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H (có mặt)

Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Thạch Ngọc B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn N, xã C1, Thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Thạch Thị Thu Th, sinh năm 1966.
- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1973.
- Ông Thạch Ngọc T, sinh năm 1992.
- Ông Thạch Ngọc Kh, sinh năm 1994.
- Bà Thạch Ngọc Tường V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã C3, Thành phố C2, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Thạch Thị Ph1, sinh năm 1948.

Địa chỉ: đường C4, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Q, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Mmh.

- Ông Nguyễn Thành Th1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Thành Th2, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch Ngọc B, bà Thạch Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Ph, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc Kh, bà Thạch Ngọc Tường V, bà Thạch Thị Ph1, ông Nguyễn Thành Th, ông Nguyễn Thành Th1 và ông Nguyễn Thành Th2: Bà Thạch Thị Nh.

- Ông Điểu T, sinh năm 1989.(xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T1, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Ông Thạch Văn C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp Tr, xã B2, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Ông Thạch G, sinh năm 1958.(xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường D, Phường 01, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Thạch Thị U, sinh năm 1965.(vắng)

- Ông Trác Hiệp Th3, sinh năm 1963.(có mặt)

Địa chỉ: đường 354, Tổ 6, ấp T2, xã T, huyện C, Thành phố phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1957.(vắng)

- Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1962. (có)

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim A: Ông Nguyễn Bình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/01/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, bà Thạch Thị Nh trình bày:

- Bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các văn bản sau:

+Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C (viết tắt Chủ tịch UBND huyện C) V/v giải quyết đơn của bà Thạch Thị Nh, địa chỉ đường L, Phường 12, Quận 5;

+Văn bản số 12324/UBND-VP-TCD ngày 19/12/2016 của UBND huyện C về việc trả lời đơn của bà Thạch Thị Nh.

+Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 của UBND xã T, huyện C "về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại".

+Thông báo số 916/TB-UBND ngày 09/11/2016 "về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu" của Chủ tịch UBND xã T, huyện C.

+Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 "về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh" của Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T, huyện C.

-Tuyên hành vi hành chính ban hành các văn bản trên là trái pháp luật.

-Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện C và UBND xã T liên đới bồi thường trả lại thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 1.139m^2, thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T và bồi thường cho bà Nh số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Căn cứ pháp lý:

- Về nguồn gốc: Thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T có nguồn gốc là thửa 155, ấp T2, xã T do bà Võ Thị C (mẹ bà Nh) cùng bà Nh tự khai phá từ năm 1976, đến năm 1993 Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số N575917 (số vào sổcấp GCN 2375 QSDĐ) ngày 10/12/1998 cho

bà Võ Thị C đối với thửa đất 463, diện tích 1000 m^2, cũng theo GCN thì tiếp giáp thửa 463 là thửa đất số 155 do bà C khai phá, sử dụng nhưng do đất bị qui hoạch không cấp GCNQSDĐ nên Nhà nước ghi thửa 155 ngay trên sổ đỏ, đây là chứng cứ pháp lý xác định nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất thửa 155 cho bà C nhưng chưa cập nhật vào GCNQSDĐ. Năm 2002 bà C chết, đến năm 2006 ông Thạch S (cha bà Nh, đại diện thừa kế của bà Võ Thị C) xin cấp lại GCNQSDĐ với diện tích còn lại là 520,8m^2 và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số AĐ 563208 (số vào sổ H00184/16) ngày 24/2/2006, lúc này thửa 155 nói trên được đổi thành thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T, như vậy đến thời điểm này mới có thửa đất số 88, vậy thửa đất vẫn được Nhà nước công nhận giao cho bà và các thừa kế của bà C.

- Thửa đất trên là đất hoang được bà C và bà Nh khai hoang từ năm 1976, đến năm 1982 bà Nh mới về Quận 5 lấy chồng và không còn tiếp tục khai hoang đất cùng bà C. Đến năm 1993, có UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy hoạch khu đất này nên năm 1998, mới để thửa đất là 155 nằm chung với thửa 463 do bà Võ Thị C đứng tên. UBND xã và huyện nói năm 1990 đất này do bà U khai hoang là không đúng.

- Tại sao nói đất này của nông trường vào năm 1990 khi vợ chồng bà U khai hoang trong khi ông Th3 đi làm ở Bình Dương, bà U thì có bầu và đẻ 2 đứa năm 1988 và 1990, thời gian đâu mà khai hoang.

- Đề nghị Tòa án xem xét hồ sơ mua bán giấy tay giữa ông Nguyễn Bình Đ và bà Thạch Thị U và bản vẽ hiện trạng, ý kiến của khu dân cư; đối chiếu bản vẽ, giấy chứng nhận QSDĐ của ông Thạch S và bà Võ Thị C.

-Giấy mua bán đất giữa bà Thạch Thị U với ông Nguyễn Bình Đ và bà Lê Thị Kim A là tài liệu giả, giấy này được lập khoảng năm 2014-2015 nhưng ghi lùi lại năm 2003, đây là điều vô lý vì thửa đất 88 tờ bản đồ 100 chỉ mới hình thành năm 2006, UBND huyện C căn cứ giấy tay sang nhượng đất và xác định bà U sử dụng đất từ năm 1990, đăng ký sổ dã ngoại năm 2002 để cấp thửa đất số 88 cho bà Lê Thị Kim A là sai.

-UBND xã T, Chủ tịch UBND xã T không giải quyết khiếu nại của bà là trái qui định của Luật khiếu nại; Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C xác định thửa đất 88 không phải là di sản của bà C là trái pháp luật.

-Do các cơ quan trên đã có hành vi hành chính trái pháp luật và ban hành quyết định hành chính trái pháp luật xâm phạm quyền lợi hợp pháp của gia đình bà nên bà phải khởi kiện, các cơ quan này phải liên đới bồi thường cho bà 10.000.000 đồng tiền giấy mực, tiền xe đi lại... và phải trả lại thửa đất số 88, tờ bản đồ 100 cho các thừa kế của bà C.

Người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C, ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt), theo các văn bản trình bày ý kiến cùng tài liệu chứng cứ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Văn V đại diện trình bày tại cấp sơ thẩm:

Phần đất có diện tích 1.139,8m^2 thuộc thửa số 88, tờ bản đồ số 100 (tài liệu bản đồ số), bộ địa chính xã T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có nguồn

gốc là đất công do Nông trường T2 quản lý.

Năm 1990, bà Thạch Thị U khai phá phần đất này quản lý sử dụng. Năm 1995, Nông trường T2 bàn giao cho UBND xã quản lý. Năm 2003, bà Thạch Thị U lập giấy tay bán cho ông Nguyễn Bình Đ (có vợ là bà Lê Thị Kim A).

Năm 2016, bà Lê Thị Kim A được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05751 ngày 24/6/2016, diện tích 1.139,8m^2 , thuộc thửa số 88, tờ bản đồ số 100 (tài liệu bộ địa chính số) là phù hợp với trình tự quy định của pháp luật.

Xét thấy, phần đất trên đã cấp GCNQSD, có nguồn gốc là đất công. Năm 1990, bà Thạch Thị U khai phá phần đất này quản lý sử dụng. Năm 2003, bà U lập giấy tay bán cho ông Nguyễn Bình Đ (có vợ là bà Lê Thị Kim A). Năm 2016, bà Lê Thị Kim A được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số CAI 61864 (số vào sổ cấp GCN: CH05751) ngày 24/6/2016 là phù hợp với trình tự quy định của pháp luật.

Năm 2016, bà Thạch Thị Nh có đơn khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ của bà Lê Thị Kim A.

Ngày 28/9/2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 8874/UBND- TNMT, với nội dung: Đe nghị bà Thạch Thị Nh khởi kiện vụ việc trên tại Tòa án nhân dân đế được xem xét, giải quyết theo quy định.

Từ những kết quả nêu trên, ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân công nhận văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật và văn bản số 12324/UBND-VP-TCD ngày 19/12/2016, bác đơn của bà Thạch Thị Nh.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã T có bà Nguyễn Thị H đại diện và UBND xã T, huyện C có bà Nguyễn Thị Phương Thúy đại diện, theo các văn bản trình bày ý kiến tại cấp sơ thẩm cùng tài liệu chứng cứ:

1. Đối với nội dung buộc UBND huyện C và UBND xã Tân Án Hội bồi thường trả lại đất trồng cây lâu năm trong tờ bản đồ 100, thửa đất so 88, diện tích Ỉ.139,8m^2 và sổ tiền 10.000.000 đồng.

- về nguồn gốc đất: Phần đất thuộc tờ bản đồ 100, thửa đất số 88, diện tích 1.139,8m^2 không phải nguồn gốc của mẹ bà Nh (bà Võ Thị C) chết để lại, mà có nguồn gốc vùng kinh tế được thành lập năm 1976, do Ban kinh tế mới Thành phố quản lý đến năm 1981 bàn giao lại cho nông trường T2. Quản lý đến năm 1995 nông trường T2 bàn giao lại cho UBND xã T.

Năm 1990, vợ chồng ông bà Trác Hiệp Th3, Thạch Thị U có nhu cầu sử dụng đất nên đã khai phá, lên líp trồng cây điều và cây bạch đàn trên phần đất này, sử dụng ổn định từ năm 1990.

Năm 2002 để đáp ứng nhu cầu đo đạc bản đồ quốc gia (bản đồ kĩ thuật số) lãnh đạo UBND xã T thông báo cho nhân dân cắm mốc ranh giới đất hộ dân đang sử dụng. Sau khi đo đạc xong, đoàn đo đạc bản đồ mời hộ dân đến ký vào hồ sơ đo vẽ. Nên vị trí, diện tích, số thửa, tên của từng hộ dân sử dụng được cập nhật trên bản đồ kỹ thuật số.

- Về đăng ký việc kê khai, đăng ký sổ mục kê đất:

Phần đất này do Ban kinh tế mới thành phố quản lý, sau đó giao lại cho Nông trường quốc doanh T2 quản lý, nên trong tài liệu bản đồ 02/CT-UB, tài liệu bản đồ 299/TTg thì không có ai đăng ký, theo tài liệu bản đồ kỹ thuật số thì bà Thạch Thị U đăng ký.

Từ kết quả xác minh và các cơ sở pháp lý có được, ủy ban nhân dân xã T nhận thấy phần đất thuộc tờ bản đồ 100, thửa đất số 88, diện tích 1.139,8m^2 không phải nguồn gốc của mẹ bà Nh để lại đồng thời, phần đất này do vợ chồng bà Thạch Thị U khai phá, canh tác được thể hiện qua việc kê khai, đăng ký sổ mục kê đất. Vì vậy, ủy ban nhân dân xã không chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Nh buộc ủy ban nhân dân xã trả bồi thường trả lại đất trồng cây lâu năm đối với phần đất thuộc tờ bản đồ 100, thửa đất số 88, diện tích 1.139,8m^2.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường cho bà Nh số tiền 10.000.000 đồng:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nh, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

2.Đối với thông báo số 799 ngày 29/9/2016 của ủy ban nhân dân xã về không thụ lý giải quyết khiếu nại:

Ngày 29/8/2016, UBND xã T đã nhận được đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh.

Khiếu nại về hành vi hành chính của Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường Võ Thị Loan đã xác nhận cho bà Lê Thị Kim A (vợ của ông Nguyễn Bình Đ) được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất có diện tích khoảng 1.139,8m^2, thuộc tờ bản đồ 100, thửa số 88, do bà Nh cho rằng đây là phần đất của bà Võ Thị C (mẹ của bà Nh) chết để lại cho chồng là ông Thạch S và sáu người con thừa kế.

Sau khi tiến hành xác minh thì được biết: Phần đất nói trên không phải nguồn gốc của mẹ bà Nh (bà Võ Thị C) chết để lại mà có nguồn gốc vùng kinh tế được thành lập năm 1976, do Ban kinh tế mới Thành phố quản lý đến năm 1981 bàn giao lại cho nông trường T2 quản lý đến năm 1995 nông trường T2 bàn giao lại cho ủy ban nhân dân xã T. Năm 1990, vợ chồng ông bà Trác Hiệp Th3, Thạch Thị U khai phá, lên líp trồng cây, sử dụng ổn định. Đến năm 2003, vợ chồng ông Trác Hiệp Th3 và Thạch Thị U sang nhượng phần đất khai phá này cho bà Lê Thị Kim A.

Đối với việc khiếu nại về hành vi hành chính của Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường Võ Thị Loan:

Bà Lê Thị Kim A nhận sang nhượng từ đất khai phá của bà Thạch Thị U vào năm 2003 (có giấy bán tay). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kim A được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Nghị định số 43/14/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Công chức địa chính xã tiếp nhận hồ sơ, tiến hành xác minh về tình trạng tranh chấp, nguồn gốc đất... Sau đó được thông qua Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất và niêm yết công khai tại trụ sở úy ban nhân dân xã trong thời gian 15 ngày. Vì vậy, bà Lê Thị Kim A được UBND huyện cấp GCNQSDĐ đúng theo quy định.

Từ việc xác minh nguồn gốc đất, quy trình, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Lê Thị Kim A và căn cứ vào khoản 2, Điều 11, Luật Khiếu nại năm 2011 quy định đơn khiếu nại không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết khi Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Vì vậy, ủy ban nhân dân xã ban hành Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 về không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Khiếu nại lần đầu:

Bà Thạch Thị Nh khiếu nại thông báo số 799 ngày 29/9/2016 của ủy ban nhân dân xã về không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011, đơn khiếu nại đủ điều kiện thụ lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T vì vậy UBND xã ban hành Thông báo số 916 ngày 09/11/2016 của ủy ban nhân dân xã T về thụ lý khiếu nại lần đầu là đúng theo quy định của Luật Khiếu nại 2011.

4. Quyết định số 486 ngày 23/12/2016 của úy ban nhân dân xã T về việc giải quyết đon khiếu nại của bà Thạch Thị Nh:

Sau khi ban hành thông báo số 916 ngày 09/11/2016 của ủy ban nhân dân xã T về thụ lý khiếu nại lần đầu, ủy ban nhân dân đã có quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 11/11/2017 về "Thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016" của UBND T về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà.

Kết quả xác minh cho thấy việc ban hành Thông báo số 799 là đúng pháp luật nên Chủ tịch UBND xã mới ban hành Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 bác khiếu nại của bà Thạch Thị Nh.

Thông bảo số 916 ngày 09/11/2016 của UBND xã T về thụ lý

Từ những căn cứ trên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bình Đ và bà Lê Thị Kim A có ông Nguyễn Bình Đ là người đại diện trình bày:

Năm 1982, ông Đ được điều động về công tác tại nông trường T2. Đến năm 2015, ông và bà Thạch Thị Nh chưa một lần gặp mặt. Nhiệm vụ của ông là quản lý dân cư trên địa bàn, nói cách khác, suốt 33 năm bà Nh không có mặt tại địa phương.

Ông Đ khẳng định hợp đồng sang nhượng đất giấy tay giữa ông và bà U vào năm 2003 là thật.

Trước năm 1995, khi chưa có quyết định số 2285 của UBND TP.HCM,[7] thì toàn bộ đất khu T2 đều do nông trường quản lý, không có việc công nhận đất khai

phá cho ai. Việc bà U bán đất cho vợ chồng ông bà là có thật vào năm 2003, đến năm 2016 vợ chồng ông bà xin cấp Giấy chứng nhận và được UBND huyện C chấp nhận. Phần đất này hoàn toàn không liên quan gì đến bà C, bà Nh.

Đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị U trình bày:

Bà khẳng định hợp đồng sang nhượng thửa đất khoảng 1.100 m^2 (hợp đồng viết tay) giữa bà và ông Đ là vào năm 2003 là thật.

Năm 1976, gia đình bà có 04 người gồm bà C, ông S, bà và bà Nh. Năm 1981, bà Nh lấy chồng đến năm 1982 thì cắt hộ khẩu về thành phố.

Năm 1987, bà lấy chồng., lúc này bà C đã 77 tuổi, không còn sức lao động. Chồng bà cùng một số bạn bè khai hoang mảnh đất phía sau nhà, là thửa đất 88 đang khởi kiện.

Năm 2002, Nhà nước mới cho đăng ký người đang trực tiếp sử dụng khu đất và bà là người đăng ký kê khai thửa đất trên.

Năm 2003, bà thiếu nợ ông Đ 1 số tiền nên bà bán phần khai hoang phía sau nhà cho ông Đ với giá 50 triệu đồng.

Năm 2013, ông Đ hỏi bà có chuộc lại phần đất đã bán không, bà không có khả năng chuộc nên bà để vợ chồng ông Đ đứng tên thửa đất.

Năm 2016, Nhà nước có chủ trương cấp GCN QSDĐ nên ông Đ để cho vợ là bà Lê Thị Kim A đứng tên.

Bà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trác Hiệp Th3 trình bày: Ông Th3 hoàn toàn đồng ý với ý kiến của vợ là bà Thạch Thị U.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Ngọc B, bà Thạch Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Ph, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc Kh, bà Thạch Ngọc Tường V, bà Thạch Thị Ph1, ông Nguyễn Thành Th, ông Nguyễn Thành Th1 và ông Nguyễn Thành Th2 có bà Thạch Thị Nh đại diện không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Bà Nh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác ông Điểu T, ông Thạch Văn C, ông Thạch G không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nh xác định*:*

-Bà Nh không khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án bằng vụ kiện dân sự. Bà không khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà *ở* và tài sản khác gắn liền với đất số số CAI61864 (số vào sổ cấp GCN: CH05751) ngày 24/6/2016 do UBND huyện C cấp cho bà Lê Thị Kim A.

Bà Nh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chỉ khởi kiện việc Chủ tịch UBND

nhân dân xã không thụ lý giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà và Chủ tịch UBND huyện C xác định phần đất thửa 88, tờ bản đồ 100 xã T không phải là di sản thừa kế của bà Võ Thị C và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại mà không còn yêu cầu nào khác.

-Giấy tay mua bán đất giữa bà U với ông Đ, bà A không đúng hình thức pháp luật qui định, được lập vào khoảng năm 2014-2015, không phải lập năm 2003.

-Việc đăng ký số dã ngoại không phải là căn cứ đế thừa nhận quyền sử dụng đất. Nếu bà U sử dụng đất năm 1990 thì sao năm 1994, 1995 không kê khai đăng ký.

-Thửa đất 155 nay là thửa 88 trước đây là đất hoang do bà Nh và bà C khai hoang.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1815/2018/HC –ST ngày 04/12/2018 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1.Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Nh đối với các yêu cầu sau:

-Yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

+Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C "V/v giải quyết đơn của bà Thạch Thị Nh, địa chỉ 243 lầu 1, đường L, phường 12, Quận 5";

+Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 của ủy ban nhân dân xã T, huyện C "về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại".

+Thông báo số 916/TB-UBND ngày 09/11/2016 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

+Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 "Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh" của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T.

-Yêu cầu tuyên hành vi hành chính ban hành các văn bản trên là trái pháp luật.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C và ủy ban nhân dân xã T bồi thường trả lại thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 1.139m2, thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T, huyện C và bồi thường cho bà Nh số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2.Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi khởi kiện Văn bản số 12324/UBND-VP-TCD ngày 19/12/2016 của ủy ban nhân dân huyện C "về việc trả lời đơn của bà Thạch Thị Nh".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/12/2018 bà Thạch Thị Nh có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, cho rằng cấp sơ thẩm bao che, xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu không đúng pháp luật, xử ép bà. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Thạch Thị Nh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Sau khi tòa sơ thẩm tuyên án, trong hạn luật định bà Thạch Thị Nh có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về thời hiệu và thẩm quyền, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

Về nội dung:

- Đối với việc khởi kiện các văn bản của UBND xã T và Chủ tịch ỤBND xã T và tuyên bố hành vi ban hành các văn bản này là trái pháp luật:

+Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 của UBND xã T, huyện C về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại.

+Thông báo số 916/TB-UBND ngày 09/11/2016 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã T, huyện C.

+Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh của Chủ tịch UBND xã T.

Căn cứ Điều 31 Luật tố tụng hành chính, thâm quyền giải quyết vụ việc thuộc về Tòa án nhân dân huyện C. Tuy nhiên, do các quyết định hành chính của cấp xã và cấp huyện bị bà Nh khởi kiện có quan hệ mật thiết với nhau, cùng khiếu nại về vấn đề liên quan đến căn cứ cấp GCN QSDĐ cho bà Lê Thị Kim A (thửa đất số 88, tờ bản đồ 100), bà Nh yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết chung trong vụ án với các yêu cầu khác, việc tách vụ việc ra từng cấp Tòa án giải quyết sẽ không đảm bảo việc giải quyết toàn diện vụ án, do vậy Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo qui định tại khoản 8 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

-Đối với việc khởi kiện các văn bản của Chủ tịch UBND huyện C và tuyên bố hành vi ban hành các văn bản này là trái pháp luật:

+Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C V/v giải quyết đơn của bà Thạch Thị Nh, địa chỉ 243 lầu 1, đườngL, Phường 12, Quận 5 và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường trả lại đất.

Căn cứ các điều 3, 7, 30, 32 và 116 của Luật Tố tụng hành chính, quyết định nêu trên là quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện C, đơn khởi kiện của bà Nh còn thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đối với văn bản số 12324/L03ND-VP-TCD ngày 19/12/2016 của UBND huyện C về việc trả lời đơn của bà Thạch Thị Nh.

Văn bản này được ban hành sau khi bà Nh khiếu nại Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, văn bản trên không phải là quyết định hành chính vì không chứa đựng nội dung làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nh, đây chỉ là văn bản giải thích, hướng dẫn công dân, không có nội dung giải quyết khiếu nại do vậy không phải là đối tượng khởi kiện. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của bà Nh

Xét yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của bà Thạch Thị Nh, Hội đồng xét xử thấy: xuất phát từ việc UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CAI61864 (số vào sổ cấp GCN CH05751) ngày 24/6/2016 đối với thửa đất có diện tích 1139,8m2, thuộc thửa số 88, tờ bản đồ 100, xã T, huyện C cho bà Lê Thị Kim A, ngày 25/8/2016 bà Nh viết đơn khiếu nại gửi UBND xã T khiếu nại về hành vi UBND xã đã xác nhận hồ sơ cho bà Lê Thị Kim A được cấp GCN QSDĐ trong khi thửa đất trên là di sản thừa kế của bà Võ Thị C, đồng thời cùng ngày 25/8/2016 bà Nh viết đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện C đề nghị xem xét lại việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên vì đó là đất thừa kế do bà C để lại.

[1.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng, đăng ký của thửa số 88, tờ bản đồ 100, xã T, tài liệu bản đồ địa chính (thuộc thửa cũ 155, tờ bản đồ 21, xã T theo tài liệu 02).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, nhận thấy:

- Về nguồn gốc:

Giai đoạn giãn dân năm 1976 đến tháng 02/1981, vùng dân kinh tế mới T2 mới thành lập và chỉ mới được bố trí dân ở hai bên đường tỉnh lộ 8. Mỗi hộ dân được cấp 01 căn nhà tạm 24m^2 (mái tranh, cột tre lồ ồ) trên nền đất do Thanh niên xung phong thành phố đào lấp, diện tích đất được cấp cho mỗi hộ giản dân là 1000m^2(ngang 20m, dài 50m), phần đất trên nằm tiếp giáp ngay sau thửa đất 1000 m^2, bà C được nhà nước giao và thuộc vùng kinh tế mới do Ban kinh tế mới Thành phố quản lý.

Tháng 3/1981, Ban kinh tế mới Thành phố thành lập Nông trường quốc doanh T2, phạm vi quản lý đất đai từ kênh 5, xã T đến kênh 23, xã Th dài 18 km. Thời gian từ 1981 đến 1983, hộ dân kinh tế mới hai bênh tỉnh lộ 8 vẫn do công trường quận B4 trực thuộc Ban kinh tế mới thành phố quản lý. Đầu năm 1984, hộ dân lập nghiệp đi kinh tế mới được bàn giao cho Ban điều hành khu kinh tế mới T2 trực thuộc Nông trường T2 quản lý. Kể từ năm 1984 đến năm 1990, tất cả đất đai sản xuất và phục vụ công tác giản dân tại huyện C.

Đến năm 1991, Ban điều hành kinh tế mới T2 giải thể, khu dân cư ấp T2 mới được thành lập và sáp nhập vào xã T quản lý, cụ thể: Khu dân cư dọc đường T2

vẫn do Nông trường T2 quản lý, chiều sâu từ lề đường mỗi bên có chiều sâu vào 100m.

Ngày 10/12/1998, toàn dân ấp T2 được UBND huyện C xét cấp GCN QSDĐ, mỗi hộ có diện tích là 1000m^2 (ngang 20m, dài 50m). Phần đất còn thừa chưa bố trí dân cư do UBND xã T quản lý.

- Về khai phá, quản lý, sử dụng:

Năm 1976, gia đình bà C gồm 4 nhân khẩu: Ông Thạch S, bà C, bà Nh, bà U đến ở, nhà nước cấp cho một nền ở phía trước 1000m^2 (20m x 50m) cũng giống như những hộ khác. Bà Nh ở đây đến năm 1982 lấy chồng và theo chồng đi nơi khác sinh sống và cắt hộ khẩu. Năm 1984, UBND Thành phố cấp cho 100 hộ dân vật liệu gồm: cột xi măng, vách ván, mái tôn để tạo chỗ ở trên đất được giao nói trên. Gia đình bà C cũng thuộc diện được cấp nhưng thời điểm này bà Nh đã đi khỏi địa phương. Đến năm 1988, bà U lấy chồng là ông Trác Hiệp Th3. Ông Th3 về sống chung với bà U và bà C (thời điểm này bà C già yếu, bệnh đau), ông Thạch S về Quận 8 sinh sống. Khoảng năm 1989 -1990 phần đất phía sau còn trống, ông Th3 lên líp trồng thơm, thơm chết thì ông Th3 mua cây điều và cây bạch đàn để trồng. Lúc ông Th3 lên líp phần đất này thì không có ai trồng gì trên đó.

Năm 2002 để đáp ứng yêu cầu đo đạc bản đồ quốc gia (bản đồ kỹ thuật số), UBND xã T thông báo cho nhân dân cắm mốc ranh giới đất hộ dân đang sử dụng. Sau khi đo đạc xong, đoàn đo đạc bản đồ mời hộ dân đến ký vào hồ sơ đo vẽ nên vị trí, diện tích, số thửa, tên của từng hộ dân sử dụng được cập nhật trên bản đồ kỹ thuật số. Trên bản đồ được cập nhận tên bà Thạch Thị U và đăng ký sổ dã ngoại tại UBND xã, sử dụng ổn định.

Năm 2003, vợ chồng bà U ông Th3 đã chuyển nhượng phần đất khai phá này cho vợ chồng bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Bình Đ bằng giấy tay, nhưng không được cấp GCN QSDĐ do vướng quy hoạch dự án khu dân cư 100 ha và 20 ha xã T trong khu đô thị Tây Bắc Thành phố.

Ngày 27/5/2014, UBND huyện C có Thông báo số 235/TB-UBND V/v hủy chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án khu dân cư xã T thuộc khu đô thị Tây Bắc TP.HCM.

Ngày 15/9/2014, UBND huyện có Thông báo số 353/TB-VP có nội dung xét cấp GCNQSDĐ đối với 84 trường hợp xin cấp giấy tại ấp T2. Thực hiện theo thông báo trên, UBND xã tiến hành lập hồ sơ cấp giấy cho 84 hộ dân nêu trên trong đó có bà Lê Thị Kim A. Hồ sơ cấp GCN QSDĐ của bà A có thông báo công khai niêm yết kết quả xét cấp GCN QSDĐ cho bà A theo đúng trình tự thủ tục quy định của Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong hồ sơ có giấy sang nhượng đất khai phá vào năm 2003 lập bằng tay giữa vợ chồng bà Thạch Thị U và vợ chồng bà Lê Thị Kim A chứ không phải bà U và bà A sang nhượng năm 2014, 2015.

- Về đăng ký việc kê khai, đăng ký số mục kê đất:

Phần đất này do ban kinh tế mới thành phố quản lý, sau đó giao lại cho Nông

trường quốc doanh T2 quản lý, nên trong Tài liệu bản đồ 02/CT- UB, tài liệu bản đồ 299/TTg thì không có ai đăng ký, theo tài liệu bản đồ kỹ thuât số thì bà Thạch Thị U đăng ký.

[1.2] Về tài liệu, chứng cứ của bà Nh:

Bà Nh cho rằng thửa đất 88 tờ bản đồ 100, tài liệu bản đồ kỹ thuật số, xã T huyện C do bà và mẹ bà khai hoang nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng đất, đăng ký, xác nhận của chính quyền địa phương theo qui định của pháp luật về đất đai, trong khi trên thực tế bà Nh đã đi không còn cư trú, làm việc tại C từ năm 1982.

Đối với ý kiến thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T là thửa 155, ấp T2, xã T được cấp cho bà Võ Thị C, vì tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N575917 (số vào sổ 2375 QSDĐ) ngày 10/12/1993 cấp cho bà Võ Thị C đối với thửa đất 463, diện tích 1000 m^2, có thể hiện thửa 463 tiếp giáp thửa 155 và được bà Nh suy đoán là đất được cấp cho bà C, đây là sự ngộ nhận. Theo GCN trên, bà C chỉ được cấp quyền sử dụng đất thửa 463, các thửa đất còn lại được mô tả trên họa đồ trong Giấy chứng nhận có ý nghĩa xác định ranh giới, tứ cận của thửa đất số 463. Hơn nữa, bản thân bà Nh cũng không đưa ra được tài liệu xác định ranh giới thửa đất 155, diện tích thửa đất 155 là bao nhiêu m^2... nên lập luận của bà Nh là không có căn cứ.

Như vậy, phần đất có diện tích khoảng 1.139,8 m2 thuộc thửa 88 tờ bản đồ số 100 xã T, huyện C có nguồn gốc là thửa 155, ấp T2, xã T. Năm 1976 gia đình bà Nguyễn Thị C gồm 4 nhân khẩu là : ông Thạch S, bà C, bà Nh và bà U đến xây dựng vùng kinh tế mới được cấp 1.000 m2 đất để cất nhà và canh tác. Năm 1982, bà Nh đi lấy chồng nên không còn sinh sống ở đây. Năm 1988 bà U có chồng là Trác Hiệp Th3 từ đó ông Th3 và bà U khai phá thêm mảnh đất phía sau nhà.

Bà Nh cho rằng thửa 155 cũ được tách ra làm hai thửa mới là 88 và 89 theo bản đồ kỹ thuật số năm 2002. Thửa 89 là thửa đất nhà nước cấp và mẹ bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , còn thửa 88 nằm ở phía sau do bà Nh và mẹ bà khai thác thêm và được Nhà nước cập nhật vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho mẹ bà. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày bà Nh không có chứng cứ chứng minh. Các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: giai đoạn từ năm 1976 đến năm 1991 đất thuộc Nông trường T2 quản lý, đến năm 1991 Ban điều hành kinh tế mới T2 giải thể, Khu dân cư ấp T2 được thành lập và sát nhập vào xã T. Năm 1988, toàn dân ấp T2 được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được cấp. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì bà C được cấp diện tích 1.000 m2 đất thuộc thửa 463 tờ bản đồ số 21. Phần đất bà Nh tranh chấp nằm phía sau thửa 155 và thửa này đứng tên sổ dã ngoại là bà Thạch Thị U. Bản đồ kỹ thuật năm 2002 cập nhật người sử dụng đất là bà U.

Năm 2003 ông Th3 và bà U chuyển nhượng phần đất này cho bà Lê Thị Kim A và ông Nguyễn Bình Đ bằng giấy tay. Năm 2014 bà Kim A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nh yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T xác định diện tích đất trên là di sản thừa

kế của mẹ bà Nh để lại là không có căn cứ. Từ Chủ tịch xã A1 trả lời đơn khiếu nại của bà Nh về việc không thụ lý khiếu nại của bà Nh là đúng theo khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại.

Đối với văn bản số 12324/UBND – VP – TCD là văn bản hướng dẫn bà Nh khởi kiện tại tòa án theo thẩm quyền, không phải là văn bản trả lời kiếu nại

[1.3] Xét yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi ban hành các quyết định hành chính là trái pháp luật và hủy Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện C .

Theo đơn khiếu nại, bà Nh khiếu nại vì sao thửa đất số 88, tờ bản đồ 100 là di sản thừa kế của bà C mà cấp cho cho bà Lê Thị Kim A.

Xét về hình thức văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016:

Có vi phạm về hình thức khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo qui định tại Điều 6 và Điều 18 Luật khiếu nại và Luật tổ chính quyền địa phương

Xét về nội dung: Theo phân tích tại tiểu mục [4.1] bà C không có quá trình đăng ký, sử dụng thửa đất, không được chính quyền địa phương xác nhận có quá trình sử dụng đất.

Phần đất này được bà U khai phá, quản lý, sử dụng từ năm 1990, có đăng ký vào sổ dã ngoại, đến năm 2003 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình Đ, bà Lê Thị Kim A để sử dụng đến nay và đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai 2013.

Như vậy, không có cơ sở xác định phần đất trên là di sản thừa kế của bà C. Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của UBND huyện C bác đơn khiếu nại của bà Nh là có cơ sở.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản số 8874/UBND –TNMT ngày 28/9/2016 của bà Nh cũng như không chấp nhận yêu cầu tuyên bố việc ban hành văn bản này là trái pháp luật là có cơ sở. Bà Nh kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ mới chứng minh nên bác kháng cáo của bà Nh về yêu cầu này.

[1.4] Xét văn bản của Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T và tuyên bố hành vi ban hành các văn bản này là trái pháp luật:

- *Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 cua UBND xã T, huyện C* về *việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại.*

Về hình thức: Thông báo được ban hành đúng qui định tại Điều 11, Điều 17 Luật khiếu nại, Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về Quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Về nội dung: Theo phân tích tại tiểu mục [4.1] bà C không có quá trình đăng ký, sử dụng thửa đất, không được chính quyền địa phương xác nhận có quá trình sử dụng đất, bà Nh không chứng minh được thửa đất 88 tờ bản đồ 100 là di sản thừa kế của bà C.

UBND xã tiến hành lập hồ sơ cấp GCN QSDĐ của bà A có thông báo thủ tục quy định của Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, hành vi hành chính của UBND xã không xâm phạm đến quyền lợi của bà Nh, không liên quan gì đến bà Nh.

Tại khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại quy định: "Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại" thì đơn khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết.

Do vậy việc UBND xã T không chấp nhận thụ lý đơn khiếu nại của bà Nh là đúng pháp luật.

-Thông báo số 916/TB-UBND ngày 09/11/2016 vềviệc thụ ỉý giải quyết khiếu nại lần đâu của UBND xã T, huyện C.

Sau khi nhận Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016, bà Nh khiếu nại Thông báo, Chủ tịch UBND xã T ban hành Thông báo số 916/TB- UBND ngày 09/11/2016 "về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu" đối với yêu cầu khiếu nại của bà Nh là thực hiện đúng quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại, thực hiện đúng nguyện vọng của bà Nh, do vậy việc bà Nh yêu cầu hủy thông báo này là không có căn cứ.

-Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh của Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T, huyện C.

Sau khi bà Nh khiếu nại, Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 bác khiếu nại của bà Nh, giữ nguyên Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016.

Việc Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 486/QĐ- UBND ngày 23/12/2016 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được qui định tại các Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật khiếu nại và Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Về nội dung quyết định công nhận nội dung Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Nh về việc tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T ban hành các quyết định hành chính nói trên là trái pháp luật cũng như không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định hành chính này của bà Nh là có căn cứ pháp luật. Bà Nh kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên bác kháng cáo của bà Nh về vấn đề này.

[2] Đối với yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện C và UBND xã T liên đới bồi thường trả lại thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 1.139m^2, thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T và bồi thường cho bà Nh số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật và yêu cầu hủy quyết định hành chính của bà Nh bị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nên yêu cầu đòi bồi thường của bà Nh là không có căn cứ, không được chấp nhận và phải nộp án phí là đúng.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của bà Thách Thị Nhiều là có căn cứ pháp luật. Bà Nh kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên bác kháng cáo của bà Thạch Thị Nh như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Bà Nh phải nộp án phí phúc thẩm.

Vĩ các lẽ trên,

Áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Căn cứ các điều 3, 30, 32, 116 Luật Tố tụng hành chính;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Căn cứ Luật đất đai 2013;

-Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

-Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Nh đối với các yêu cầu sau:

-*Yêu cầu hủy các quyết định hành chính:*

+Văn bản số 8874/UBND-TNMT ngày 28/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C "V/v giải quyết đơn của bà Thạch Thị Nh, địa chỉ 243 lầu 1, đường L, Phường 12, Quận 5";

+Thông báo số 799/TB-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C "về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại".

+Thông báo số 916/TB-UBND ngày 09/11/2016 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

+Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 "về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Thạch Thị Nh" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

-Yêu cầu tuyên hành vi hành chính ban hành các văn bản trên là trái pháp luật.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân xã T bồi thường trả lại thửa đất trồng cây lâu năm diện tích 1.139m^2, thửa đất số 88, tờ bản đồ 100, xã T, huyện C và bồi thường cho bà Nh số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi khởi kiện Văn bản số 12324/UBND-VP-TCD ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C "về việc trả lời đơn của bà

Thạch Thị Nh”.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nh phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà bà Nh đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/33839 ngày 27/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nh đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nh còn phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm bà Nh phải nộp 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo của bà Nh theo biên lai thu số 0046057 ngày 21/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thành án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao
- Viển kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TPHCM
- TAND Tp HCM
- VKSND Tp HCM ;
- Cục THA DS Tp HCM ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Phạm Tí Tuấn